TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H.N** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H.N, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí D.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn T.
2. Ông Nguyễn Tuấn L.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Văn T là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô H. Y- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1997.
Cư trú tại: ấp L.H, xã L.K, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1992.
Cư trú tại: ấp L.H, xã L.K, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.
(Chị V có mặt tại phiên tòa, anh N vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh N được người quen mai mối và tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã L.K, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới sống bên gia đình anh N, thời gian đầu sống hạnh phúc. Đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh N nghiện game không lo làm ăn, cuối năm 2017 chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống, năm 2018 không còn sống chung. Từ khi không còn sống chung không gặp nhau hàn gắn. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh N do tình cảm không còn.

Về con chung: Chị V trình bày trong thời gian sống chung với anh N có con chung tên Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 17/02/2016 đang sống với chị và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị V trình bày trong thời gian sống chung với anh N không có tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị V trình bày trong thời gian sống chung với anh N không có nợ ai hoặc ai nợ lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn N đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về việc thu thập, tài liệu chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, không có ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật, về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V, về con chung: Chị V được nuôi dưỡng Trần Thị Cẩm T, anh N không cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu, về tài sản chung và nợ chung: Không có đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ việc xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N. Đây là tranh chấp ly hôn, về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.N.

[3] Về nội dung:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị V và anh N là phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã L.K, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp, theo chị V trình bày thời gian đầu sống hạnh phúc. Đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh N nghiện game không lo làm ăn, cuối năm 2017 chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống, năm 2018 không còn sống chung, khi không còn sống chung không có gặp nhau hàn gắn, anh N không đến thăm chị, cho thấy anh N không quan tâm gia đình, đã là vợ chồng phải thương yêu đùm bọc lẫn nhau, khi nhận văn bản tố tụng anh N không trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa là do anh N từ bỏ quyền lợi của mình. Vì vậy, hôn nhân giữa chị V và anh N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận cho chị V ly hôn với anh N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 17/02/2016, chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét từ khi chị V về nhà cha mẹ ruột sinh sống Trần Thị Cẩm T do chị V nuôi dưỡng. Vì vậy, giao Cẩm T cho chị V được nuôi dưỡng là phù hợp, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị V

tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị V trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra để xem xét.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị V trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra để xem xét.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật và nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị V. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004105 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc V.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc V được ly hôn với anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc V được nuôi dưỡng Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 17/02/2016, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị V tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004105 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.N.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H.N;
- Chi cục THADS huyện H.N;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Chí D